TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị O; đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm X, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn LA, xã LH , huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Xuân D ; nơi cư trú: Cụm X, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị và anh Phạm Xuân D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 05-3-2009. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có hai con

chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do bất đồng quan điểm, tích cách không hòa hợp, mặt khác anh D có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng đối xử với nhau lạnh nhạt. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã về gia đình ở thôn LA, xã LH , huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống từ tháng 10/2019 đến nay. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị O xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Xuân D .

Về con chung: Chị và anh Phạm Xuân D có 02 con chung là Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09-01-2010 và Phạm Đăng K, sinh ngày 19-10-2014, hiện nay đang ở với anh D và gia đình anh. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con Phạm Đăng K cho chị nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Bảo Ngọc cho anh D nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh D .

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, anh Phạm Xuân D xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị O trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được thời gian đầu và có hai con chung. Vợ chồng anh chị không xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên do anh đi miền Nam làm ăn nên chị O đã tự ý bỏ gia đình anh đi đâu vào thời gian nào anh không biết. Nay chị O xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị O .

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị O có 02 con chung là Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 09-01-2010 và Phạm Đăng K, sinh ngày 19-10-2014, hiện nay đang ở với anh và bố mẹ anh. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật .

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn, đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành yêu cầu của Tòa án, không nộp bản tự khai, không tham gia các phiên họp, phiên hòa, tại

phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Phạm Xuân D . Về con chung: Giao con Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09-01-2010 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phạm Đăng K, sinh ngày 19-10-2014 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị O xin tự giải quyết với anh D nên không xem xét giải quyết. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Xuân D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Xuân D có hộ khẩu thường trú tại Cụm X, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Xuân D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Phạm Xuân D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, tuy nhiên, anh D vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Xuân D .

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Xuân D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 05-3-2009, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên chị O đã về gia đình ở thôn LA, xã LH , huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị O nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D . Quá trình giải quyết vụ án, anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị O . Điều đó chứng tỏ

tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Xuân D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Nguyễn Thị O xin ly hôn với anh Phạm Xuân D phù D với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Xuân D có hai con chung là Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09-01-2010 và Phạm Đăng K, sinh ngày 19-10-2014. Khi ly hôn, chị O nhận nuôi con Phạm Đăng K và đề nghị Tòa án giao con Phạm Nguyễn Bảo N cho anh D nuôi dưỡng, anh D đề nghị được nuôi cả hai con chung. Xét yêu cầu nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Anh D và chị O đều có nơi ở và thu nhập, tuy nhiên, do anh D thường đi làm ở xa, thỉnh thoảng mới về nhà, hiện hai con đang ở với anh D và gia đình anh. Con chung Phạm Nguyễn Bảo N có nguyện vọng xin được ở với anh D , con Phạm Đăng K còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị O , giao con Phạm Đăng K cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phạm Nguyễn Bảo N cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị O xin tự giải quyết với anh D nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Xuân D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Phạm Xuân D .

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Đăng K, sinh ngày 19-10-2014 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09-01-2010 cho anh Phạm Văn D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị O xin tự giải quyết với anh Phạm Xuân D nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Xuân D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị O đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008040 ngày 10-02-2020. Chị Nguyễn Thị O đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã TH huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền